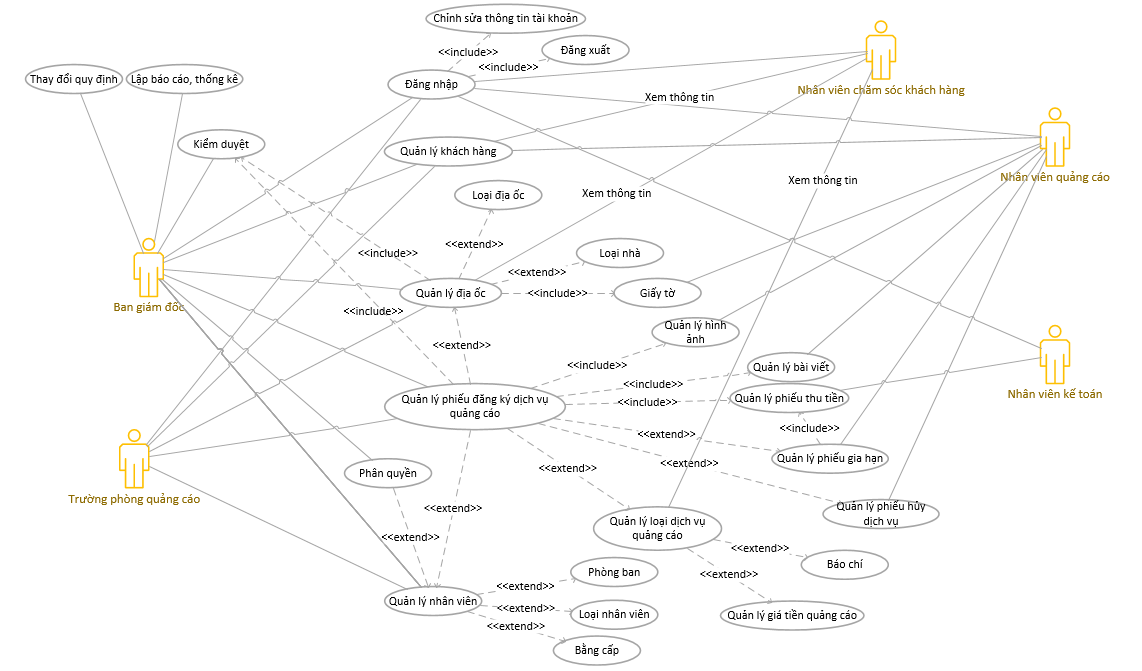
# **III. MÔ HÌNH USE CASE**

**3.1. Sơ đồ Use case**



**3.2. Danh sách các Actor**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Actor** | **Ý nghĩa/Ghi chú** |
| 1 | Ban giám đốc | - Là thành phần ban giám đốc, có trách nhiệm quản lý, điều phối chung toàn công ty  **- Quản lý hành chính và nhân sự**  **- Kiểm duyệt thông tin quan trọng như phiếu đăng ký, hợp đồng đăng ký dịch vụ quảng cáo địa ốc**  **- Xem báo cáo thống kê, thay đổi quy định của công ty** |
| 2 | Trưởng phòng quảng cáo | **- Quản lý chung các thông tin liên quan đến dịch vụ quảng cáo như: Thông tin hồ sơ khách hàng, địa ốc, quản lý các dịch vụ quảng cáo của công ty: Loại hình quảng cáo, thông tin và biểu giá quảng cáo, quản lý bài viết và hình ảnh liên quan** |
| 3 | Nhân viên quảng cáo | - Là nhân viên trực tiếp làm việc với khách hàng để ghi nhận thông tin quảng cáo và thực hiện triển khai các dịch vụ quảng cáo của công ty như: lấy thông tin khách hàng, địa ốc, chụp hình ảnh, viết bài quảng cáo. |
| 4 | Nhân viên kế toán | **- Là nhân viên thuộc bộ phận kế toán, có trách nhiệm thu tiền và xuất hóa đơn cho khách hàng** |
| 5 | Nhân viên chăm sóc khách hàng | **- Là nhân viên iếp nhận thông tin và yêu cầu khách hàng, Chăm sóc tư vấn các dịch vụ quảng cáo phù hợp với nhu cầu khách hàng => Chuyển tiếp thông tin cho bộ phận quảng cáo** |

**3.3. Danh sách các Use-case**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Use-case** | **Ý nghĩa/Ghi chú** |
|  | Đăng nhập | Chức năng đăng nhập hệ thống |
|  | Chỉnh sửa thông tin tài khoản | Chức năng cập nhật, chỉnh sửa thông tin cá nhân của nhân viên, thay đổi mật khẩu đăng nhập |
|  | Đăng xuất | Chức năng thoát khỏi hệ thống |
|  | Thêm phòng ban | Chức năng thêm mới 1 phòng ban |
|  | Sửa phòng ban | Chức năng sửa thông tin một phòng ban |
|  | Xóa phòng ban | Chức năng xóa 1 phòng ban |
|  | Tìm kiếm phòng ban | Chức năng tìm kiếm 1 phòng ban dựa vào mã phòng ban hoặc tên phòng ban |
|  | Thêm loại nhân viên | Chức năng thêm mới 1 loại nhân viên, phục vụ cho công tác phân quyền |
|  | Sửa loại nhân viên | Chức năng sửa thông tin một loại nhân viên |
|  | Xóa loại nhân viên | Chức năng xóa 1 loại nhân viên |
|  | Tìm kiếm loại nhân viên | Chức năng tìm kiếm 1 loại nhân viên dựa vào mã loại nhân viên hoặc tên loại nhân viên |
|  | Thêm bằng cấp | Chức năng thêm mới 1 bằng cấp |
|  | Sửa bằng cấp | Chức năng sửa thông tin một bằng cấp |
|  | Xóa bằng cấp | Chức năng xóa 1 bằng cấp |
|  | Thêm nhân viên | Chức năng thêm mới 1 nhân viên đồng thời cấp tài khoản account cho nhân viên đăng nhập vào hệ thống |
|  | Sửa nhân viên | Chức năng sửa thông tin một nhân viên |
|  | Xóa nhân viên | Chức năng xóa 1 nhân viên |
|  | Tìm kiếm nhân viên | Chức năng tìm kiếm 1 nhân viên dựa vào mã nhân viên hoặc tên nhân viên |
|  | Thêm quyền hạn | Chức năng thêm mới 1 quyền hạn cho một nhóm nhân viên thuộc cùng 1 loại nhân viên |
|  | Sửa quyền hạn | Chức năng sửa thông tin một quyền hạn cho một nhóm nhân viên thuộc cùng 1 loại nhân viên |
|  | Xóa quyền hạn | Chức năng xóa 1 quyền hạn cho một nhóm nhân viên thuộc cùng 1 loại nhân viên |
|  | Thêm khách hàng | Chức năng thêm mới 1 khách hàng khi là khách hàng lần đầu đăng ký dịch vụ của công ty |
|  | Sửa khách hàng | Chức năng sửa thông tin một khách hàng |
|  | Xóa khách hàng | Chức năng xóa 1 khách hàng |
|  | Tìm kiếm khách hàng | Chức năng tìm kiếm 1 khách hàng dựa vào mã khách hàng hoặc tên khách hàng |
|  | Thêm loại địa ốc | Chức năng thêm mới 1 loại địa ốc |
|  | Sửa loại địa ốc | Chức năng sửa thông tin một loại địa ốc |
|  | Xóa loại địa ốc | Chức năng xóa 1 loại địa ốc |
|  | Tìm kiếm loại địa ốc | Chức năng tìm kiếm 1 loại địa ốc dựa vào mã loại địa ốc hoặc tên loại địa ốc |
|  | Thêm loại nhà | Chức năng thêm mới 1 loại nhà |
|  | Sửa loại nhà | Chức năng sửa thông tin một loại nhà |
|  | Xóa loại nhà | Chức năng xóa 1 loại nhà |
|  | Tìm kiếm loại nhà | Chức năng tìm kiếm 1 loại nhà dựa vào mã loại nhà hoặc tên loại nhà |
|  | Thêm địa ốc | Chức năng thêm mới 1 địa ốc |
|  | Sửa địa ốc | Chức năng sửa thông tin một địa ốc |
|  | Xóa địa ốc | Chức năng xóa 1 địa ốc |
|  | Tìm kiếm địa ốc | Chức năng tìm kiếm 1 địa ốc dựa vào mã địa ốc hoặc tên địa ốc |
|  | Thêm giấy tờ | Chức năng thêm mới 1 giấy tờ của 1 địa ốc |
|  | Sửa giấy tờ | Chức năng sửa thông tin một giấy tờ của 1 địa ốc |
|  | Xóa giấy tờ | Chức năng xóa 1 giấy tờ của 1 địa ốc |
|  | Thêm báo chí | Chức năng thêm mới 1 báo chí |
|  | Sửa báo chí | Chức năng sửa thông tin một báo chí |
|  | Xóa báo chí | Chức năng xóa 1 báo chí |
|  | Tìm kiếm báo chí | Chức năng tìm kiếm 1 báo chí dựa vào mã báo chí hoặc tên báo chí |
|  | Thêm loại dịch vụ quảng cáo | Chức năng thêm mới 1 loại dịch vụ quảng cáo |
|  | Sửa loại dịch vụ quảng cáo | Chức năng sửa thông tin một loại dịch vụ quảng cáo |
|  | Xóa loại dịch vụ quảng cáo | Chức năng xóa 1 loại dịch vụ quảng cáo |
|  | Tìm kiếm loại dịch vụ quảng cáo | Chức năng tìm kiếm 1 loại dịch vụ quảng cáo dựa vào mã loại dịch vụ quảng cáo hoặc tên loại dịch vụ quảng cáo |
|  | Thêm giá tiền quảng cáo | Chức năng thêm mới 1 giá tiền quảng cáo tương ứng với 1 loại hình quảng cáo |
|  | Sửa giá tiền quảng cáo | Chức năng sửa thông tin một giá tiền quảng cáo tương ứng với 1 loại hình quảng cáo |
|  | Xóa giá tiền quảng cáo | Chức năng xóa 1 giá tiền quảng cáo tương ứng với 1 loại hình quảng cáo |
|  | Thêm phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo | Chức năng thêm mới 1 phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo tương ứng với 1 địa ốc |
|  | Sửa phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo | Chức năng sửa thông tin một phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo tương ứng với 1 địa ốc |
|  | Xóa phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo | Chức năng xóa 1 phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo tương ứng với 1 địa ốc |
|  | Tìm kiếm phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo | Chức năng tìm kiếm 1 phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo dựa vào mã phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo |
|  | Thêm hình ảnh | Chức năng thêm mới 1 hình ảnh quảng cáo tương ứng với 1 phiếu đăng ký quảng cáo địa ốc |
|  | Sửa hình ảnh | Chức năng sửa thông tin một hình ảnh tương ứng với 1 phiếu đăng ký quảng cáo địa ốc |
|  | Xóa hình ảnh | Chức năng xóa 1 hình ảnh tương ứng với 1 phiếu đăng ký quảng cáo địa ốc |
|  | Thêm bài viết | Chức năng thêm mới 1 bài viết tương ứng với 1 phiếu đăng ký quảng cáo địa ốc |
|  | Sửa bài viết | Chức năng sửa thông tin một bài viết tương ứng với 1 phiếu đăng ký quảng cáo địa ốc |
|  | Xóa bài viết | Chức năng xóa 1 bài viết tương ứng với 1 phiếu đăng ký quảng cáo địa ốc |
|  | Thêm phiếu gia hạn dịch vụ quảng cáo | Chức năng thêm mới 1 phiếu gia hạn dịch vụ quảng cáo tương ứng với 1 phiếu đăng ký dịch vụ |
|  | Sửa phiếu gia hạn dịch vụ quảng cáo | Chức năng sửa thông tin một phiếu gia hạn dịch vụ quảng cáo tương ứng với 1 phiếu đăng ký dịch vụ |
|  | Xóa phiếu gia hạn dịch vụ quảng cáo | Chức năng xóa 1 phiếu gia hạn dịch vụ quảng cáo tương ứng với 1 phiếu đăng ký dịch vụ |
|  | Tìm kiếm phiếu gia hạn dịch vụ quảng cáo | Chức năng tìm kiếm 1 phiếu gia hạn dịch vụ quảng cáo dựa vào mã phiếu gia hạn dịch vụ quảng cáo |
|  | Thêm phiếu hủy đăng ký dịch vụ quảng cáo | Chức năng thêm mới 1 phiếu hủy đăng ký dịch vụ quảng cáo tương ứng với 1 phiếu đăng ký dịch vụ |
|  | Sửa phiếu hủy đăng ký dịch vụ quảng cáo | Chức năng sửa thông tin một phiếu hủy đăng ký dịch vụ quảng cáo tương ứng với 1 phiếu đăng ký dịch vụ |
|  | Xóa phiếu hủy đăng ký dịch vụ quảng cáo | Chức năng xóa 1 phiếu hủy đăng ký dịch vụ quảng cáo tương ứng với 1 phiếu đăng ký dịch vụ |
|  | Tìm kiếm phiếu hủy đăng ký dịch vụ quảng cáo | Chức năng tìm kiếm 1 phiếu hủy đăng ký dịch vụ quảng cáo dựa vào mã phiếu hủy đăng ký dịch vụ quảng cáo |
|  | Thêm phiếu phiếu thu tiền | Chức năng thêm mới 1 phiếu phiếu thu tiền |
|  | Sửa phiếu phiếu thu tiền | Chức năng sửa thông tin một phiếu phiếu thu tiền |
|  | Xóa phiếu phiếu thu tiền | Chức năng xóa 1 phiếu phiếu thu tiền |
|  | Tìm kiếm phiếu phiếu thu tiền dịch vụ quảng cáo | Chức năng tìm kiếm 1 phiếu phiếu thu tiền dựa vào mã phiếu phiếu thu tiền |
|  | Kiểm duyệt | Chức năng chỉnh sửa thông tin kiểm duyệt (đã duyệt / không duyệt, lý do nếu không duyệt) của ban giám đốc cho các hợp đồng, phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo, thông tin địa ốc |
|  | Lập báo cáo thống kê | Chức năng lập báo cáo thống kê tổng doanh thu của công ty trong năm theo từng tháng và doanh thu theo từng loại hình dịch vụ quảng cáo |
|  | Thay đổi quy định | Chức năng thay đổi một số quy định, ràng buộc của hệ thống |

**3.4. Đặc tả Use-case**

**3.4.1. Đặc tả Use-case “Đăng nhập”**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Đăng nhập** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Tất cả các nhân viên trong công ty * Use-case “Đăng nhập tài khoản” dùng để cho nhân viên đăng nhập vào và sử dụng các chức năng hệ thông như đã được phân chia mức quyền hạn |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Khi khởi động hệ thống hiển thị màn hình đăng nhập cho ngưởi sử dụng  2. Nhân viên sẽ nhập ID và password  3. Nhân viên nhấn nút Đăng nhập  4. Hệ thống hiển thị form chính |
| **Dòng sự kiện khác** | 1. Kiểm tra ID và password xem có tồn tại hay không  2. Nếu sai một trong hai thông tin thì thông báo lỗi “đăng nhập không thành công ” và cho người dùng đăng nhập lại. |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | Phải có tài khoản trong hệ thống |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | 1. Khi người dùng đã có tài khoản trong hệ thống thì mới được thực hiện chức năng này.  2. Khi mở hệ thống người dùng sẽ gặp trang cho người dùng thực hiện chức năng này đầu tiên. |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | 1.Khi chức năng đăng nhập thực hiện thành công hệ thống sẽ thông báo cho người dùng biết và chuyển tới trang chủ của hệ thống.  2. Khi chức năng đăng nhập thất bại thì hệ thống sẽ thông báo cho người dùng biết, cho phép người dùng đăng nhập lại và quay lại trạng thái đăng nhập. |
| **Điều kiện mở rộng** | Khi thực hiện chức năng đăng nhập thì bắt buộc người dùng đã có tài khoản trong hệ thống, khi đăng nhập vào hệ thống thì chức năng đăng xuất và cập nhật thông tin người dùng mới có thể hiện ra. |

### 3.4.2. Đặc tả Use-case “Chỉnh sửa thông tin tài khoản”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Chỉnh sửa thông tin** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Tất cả các nhân viên trong công ty * Use-case “Chỉnh sửa thông tin tài khoản” dùng để cho nhân viên chỉnh sửa thông tin cá nhân của mình như địa chỉ, số điện thoại, email, mật khẩu đăng nhập. |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Nhân viên nhấn vào nút chỉnh sửa thông tin |
| **Dòng sự kiện khác** | Hệ thống sẽ thông báo lỗi cho người dùng nếu người dùng không chỉnh sửa được thông tin thành công |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | Không có |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải có đăng nhập thành công trước đó và đăng trong trạng thái đã đăng nhập. |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Khi chức năng chỉnh sửa thông tin thực hiện thành công thì hệ thống sẽ thông báo cho người dùng biết * Khi chức năng chỉnh sửa thông tin thất bại thì hệ thống sẽ thông báo cho người dùng biết. |
| **Điều kiện mở rộng** | Khi người dùng đã đăng nhập thành công thì chức năng chỉnh sửa thông tin mới có thể thực hiện. |

### 3.4.3. Đặc tả Use-case “Đăng xuất

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Đăng xuất** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Tất cả các nhân viên trong công ty * Use-case “Đăng xuất tài khoản” dùng để cho nhân viên đăng xuất ra khỏi hệ thống để kết thúc phiên làm việc đối với nhân viên đó. |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Nhân viên nhấn vào nút đăng xuất |
| **Dòng sự kiện khác** | Hệ thống sẽ thông báo lỗi cho người dùng nếu người dùng không thoát ra được khỏi hệ thống. |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | Không có |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải có đăng nhập thành công trước đó và đăng trong trạng thái đã đăng nhập. |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Khi chức năng đăng xuất thực hiện thành công thì hệ thống sẽ quay về trang ngoài cùng của hệ thống và cho thực hiện lại chức năng đăng nhập. * Khi chức năng đăng xuất thất bại thì hệ thống sẽ thông báo cho người dùng biết. |
| **Điều kiện mở rộng** | Khi người dùng đã đăng nhập thành công thì chức năng đăng xuất mới có thể thực hiện. |

### 3.4.4. Đặc tả Use-case “Thêm phòng ban”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Thêm phòng ban** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Ban giám đốc * Use-case “Thêm phòng ban” dùng để ban giám đốc thêm mới một phòng ban trong công ty, phù hợp với chức năng mở rộng công ty về sau với nhiều chức vụ phòng ban mới |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Phòng ban” * Người dùng nhập các thông tin * Người dùng nhấn vào “Thêm”. Thông tin sẽ được lưu vào hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | * Nếu người dùng nhập thiếu thông tin thì sẽ thông báo “Nhập đầy đủ thông tin” |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | Không có |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu thêm thất bại thì thông báo cho người dùng biết * Nếu thêm thành công thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.5. Đặc tả Use-case “Sửa phòng ban”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Sửa phòng ban** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Ban giám đốc * Use-case “Sửa phòng ban” dùng để ban giám đốc sửa thông tin một phòng ban trong công ty nếu có thay đổi về nhiệm vụ hoặc tên phòng |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Phòng ban” * Nhấn đúp chuột vào hàng thông tin cần chỉnh sửa * Người dùng nhấn vào “Sửa”. Thông tin sẽ được lưu vào hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | * Nếu người dùng nhập thiếu thông tin thì sẽ thông báo “Nhập đầy đủ thông tin” |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | Không có |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu chỉnh sửa thất bại thì thông báo cho người dùng biết * Nếu chỉnh sửa thành công thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.6. Đặc tả Use-case “Xóa phòng ban”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Xóa phòng ban** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Ban giám đốc * Use-case “Xóa phòng ban” dùng để ban giám đốc xóa thông tin một phòng ban trong công ty nếu không còn cần thiết nữa |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Phòng ban” * Nhấn đúp chuột vào hàng thông tin cần chỉnh xóa * Người dùng nhấn vào “Xóa”. * Hệ thống hiển thị thông báo có chắc chắn xóa * Thông tin sẽ được xóa khỏi hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | - Nếu còn tồn tại một nhân viên thuộc phòng ban thì hệ thống sẽ không thể xóa |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | Không có |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu xóa thành công thì thông báo cho người dùng biết * Nếu xóa thất bại thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.4. Đặc tả Use-case “Thêm nhân viên”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Thêm nhân viên** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Ban giám đốc hoặc nhân viên được cấp quyền “Thêm nhân viên” * Use-case “Thêm nhân viên” dùng để ban giám đốc thêm mới một nhân viên trong công ty đồng thời cấp tài khoản gồm tên đăng nhập và mật khẩu để nhân viên này có thể tương tác với hệ thống thông qua tài khoản này. |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Nhân viên” * Người dùng nhập các thông tin * Người dùng nhấn vào “Thêm”. Thông tin sẽ được lưu vào hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | * Nếu người dùng nhập thiếu thông tin thì sẽ thông báo “Nhập đầy đủ thông tin” |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | * Phải là Ban giám đốc hoặc nhân viên được cấp quyền “Thêm nhân viên” mới được quyền sử dụng chức năng này |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu thêm thất bại thì thông báo cho người dùng biết * Nếu thêm thành công thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.5. Đặc tả Use-case “Sửa nhân viên”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Sửa nhân viên** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Ban giám đốc hoặc nhân viên được cấp quyền “Sửa nhân viên” * Use-case “Sửa nhân viên” dùng để ban giám đốc sửa thông tin một nhân viên trong công ty nếu có thay đổi về thông tin nhân viên |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Nhân viên” * Nhấn đúp chuột vào hàng thông tin cần chỉnh sửa * Người dùng nhấn vào “Sửa”. Thông tin sẽ được lưu vào hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | * Nếu người dùng nhập thiếu thông tin thì sẽ thông báo “Nhập đầy đủ thông tin” |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | * Phải là Ban giám đốc hoặc nhân viên được cấp quyền “Sửa nhân viên” mới được quyền sử dụng chức năng này |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu chỉnh sửa thất bại thì thông báo cho người dùng biết * Nếu chỉnh sửa thành công thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.6. Đặc tả Use-case “Xóa nhân viên”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Xóa nhân viên** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Ban giám đốc hoặc nhân viên được cấp quyền “Xóa nhân viên” * Use-case “Xóa nhân viên” dùng để ban giám đốc xóa thông tin một nhân viên trong công ty |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Nhân viên” * Nhấn đúp chuột vào hàng thông tin cần chỉnh xóa * Người dùng nhấn vào “Xóa”. * Hệ thống hiển thị thông báo có chắc chắn xóa * Thông tin sẽ được xóa khỏi hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | - Không thể xóa thông tin nhân viên |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | - Phải là Ban giám đốc hoặc nhân viên được cấp quyền “Xóa nhân viên” mới được quyền sử dụng chức năng này |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu xóa thành công thì thông báo cho người dùng biết * Nếu xóa thất bại thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.6. Đặc tả Use-case “Tìm kiếm nhân viên”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Tìm kiếm nhân viên** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Ban giám đốc hoặc nhân viên được cấp quyền “Tìm kiếm nhân viên” * Use-case “Tìm kiếm nhân viên” dùng để tìm kiếm thông tin của một nhân viên trong công ty |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Nhân viên” * Nhập các thông tin cần tìm kiếm * Hệ thống trả về kết quả cần tìm * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** |  |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | - Phải là Ban giám đốc hoặc nhân viên được cấp quyền “Tìm kiếm nhân viên” mới được quyền sử dụng chức năng này |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Trả về màn hình hiện thị danh sách các tài khoản nhân viên theo từ khóa tìm kiếm |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.4. Đặc tả Use-case “Thêm quyền hạn”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Thêm quyền hạn** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Ban giám đốc hoặc nhân viên được cấp quyền “Thêm quyền hạn” * Use-case “Thêm quyền hạn” dùng để ban giám đốc thêm mới một quyền hạn trong việc sử dụng hệ thống |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Quyền hạn” * Người dùng nhập các thông tin * Người dùng nhấn vào “Thêm”. Thông tin sẽ được lưu vào hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | * Nếu người dùng nhập thiếu thông tin thì sẽ thông báo “Nhập đầy đủ thông tin” |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | * Phải là Ban giám đốc hoặc nhân viên được cấp quyền “Thêm quyền hạn” mới được quyền sử dụng chức năng này |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu thêm thất bại thì thông báo cho người dùng biết * Nếu thêm thành công thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.5. Đặc tả Use-case “Sửa quyền hạn”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Sửa quyền hạn** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Ban giám đốc hoặc nhân viên được cấp quyền “Sửa quyền hạn” * Use-case “Sửa quyền hạn” dùng để ban giám đốc sửa thông tin một quyền hạn trong việc sử dụng hệ thống |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Quyền hạn” * Nhấn đúp chuột vào hàng thông tin cần chỉnh sửa * Người dùng nhấn vào “Sửa”. Thông tin sẽ được lưu vào hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | * Nếu người dùng nhập thiếu thông tin thì sẽ thông báo “Nhập đầy đủ thông tin” |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | * Phải là Ban giám đốc hoặc nhân viên được cấp quyền “Sửa quyền hạn” mới được quyền sử dụng chức năng này |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu chỉnh sửa thất bại thì thông báo cho người dùng biết * Nếu chỉnh sửa thành công thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.6. Đặc tả Use-case “Xóa quyền hạn”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Xóa quyền hạn** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Ban giám đốc hoặc quyền hạn được cấp quyền “Xóa quyền hạn” * Use-case “Xóa quyền hạn” dùng để ban giám đốc xóa thông tin một quyền hạn trong công ty |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Quyền hạn” * Nhấn đúp chuột vào hàng thông tin cần chỉnh xóa * Người dùng nhấn vào “Xóa”. * Hệ thống hiển thị thông báo có chắc chắn xóa * Thông tin sẽ được xóa khỏi hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | - Không thể xóa thông tin quyền hạn |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | - Phải là Ban giám đốc hoặc quyền hạn được cấp quyền “Xóa quyền hạn” mới được quyền sử dụng chức năng này |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu xóa thành công thì thông báo cho người dùng biết * Nếu xóa thất bại thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.4. Đặc tả Use-case “Thêm khách hàng”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Thêm khách hàng** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Nhân viên được cấp quyền “Thêm khách hàng” * Use-case “Thêm khách hàng” dùng để cho phép nhân viên tạo mới một khách hàng chưa có trong hệ thống |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Khách hàng” * Người dùng nhập các thông tin * Người dùng nhấn vào “Thêm”. Thông tin sẽ được lưu vào hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | * Nếu người dùng nhập thiếu thông tin thì sẽ thông báo “Nhập đầy đủ thông tin” * Nếu thông tin khách hàng đã tồn tại thì hiển thị thông báo |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | * Thông tin khách hàng không được thiếu bất cứ cái nào |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | * Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu thêm thất bại thì thông báo cho người dùng biết * Nếu thêm thành công thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.5. Đặc tả Use-case “Sửa khách hàng”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Sửa khách hàng** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Nhân viên được cấp quyền “Sửa khách hàng” * Use-case “Sửa khách hàng” dùng để nhân viên chỉnh sửa thông tin một khách hàng trong công ty |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Khách hàng” * Nhấn đúp chuột vào hàng thông tin cần chỉnh sửa * Người dùng nhấn vào “Sửa”. Thông tin sẽ được lưu vào hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | * Nếu người dùng nhập thiếu thông tin thì sẽ thông báo “Nhập đầy đủ thông tin” |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | * Thông tin khách hàng không được thiếu bất cứ cái nào |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu chỉnh sửa thất bại thì thông báo cho người dùng biết * Nếu chỉnh sửa thành công thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.6. Đặc tả Use-case “Xóa khách hàng”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Xóa khách hàng** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Nhân viên được cấp quyền “Xóa khách hàng” * Use-case “Xóa khách hàng” dùng để nhân viên xóa thông tin một khách hàng trong công ty |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Khách hàng” * Nhấn đúp chuột vào hàng thông tin cần chỉnh xóa * Người dùng nhấn vào “Xóa”. * Hệ thống hiển thị thông báo có chắc chắn xóa * Thông tin sẽ được xóa khỏi hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | - Không thể xóa thông tin khách hàng |
| **Các yêu cầu đặc biệt** |  |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu xóa thành công thì thông báo cho người dùng biết * Nếu xóa thất bại thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.6. Đặc tả Use-case “Tìm kiếm khách hàng”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Tìm kiếm khách hàng** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Nhân viên trong công ty * Use-case “Tìm kiếm khách hàng” dùng để tìm kiếm thông tin của một khách hàng trong công ty |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Khách hàng” * Nhập các thông tin cần tìm kiếm * Hệ thống trả về kết quả cần tìm * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** |  |
| **Các yêu cầu đặc biệt** |  |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Trả về màn hình hiện thị danh sách các tài khoản khách hàng theo từ khóa tìm kiếm |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.4. Đặc tả Use-case “Thêm địa ốc”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Thêm địa ốc** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Nhân viên được cấp quyền “Thêm địa ốc” * Use-case “Thêm địa ốc” dùng để cho phép nhân viên tạo mới một địa ốc chưa có trong hệ thống |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Địa ốc” * Người dùng nhập các thông tin * Người dùng nhấn vào “Thêm”. Thông tin sẽ được lưu vào hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | * Nếu người dùng nhập thiếu thông tin thì sẽ thông báo “Nhập đầy đủ thông tin” * Nếu thông tin địa ốc đã tồn tại thì hiển thị thông báo |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | * Thông tin địa ốc không được thiếu bất cứ cái nào |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | * Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu thêm thất bại thì thông báo cho người dùng biết * Nếu thêm thành công thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.5. Đặc tả Use-case “Sửa địa ốc”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Sửa địa ốc** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Nhân viên được cấp quyền “Sửa địa ốc” * Use-case “Sửa địa ốc” dùng để nhân viên chỉnh sửa thông tin một địa ốc trong công ty |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Địa ốc” * Nhấn đúp chuột vào hàng thông tin cần chỉnh sửa * Người dùng nhấn vào “Sửa”. Thông tin sẽ được lưu vào hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | * Nếu người dùng nhập thiếu thông tin thì sẽ thông báo “Nhập đầy đủ thông tin” |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | * Thông tin địa ốc không được thiếu bất cứ cái nào |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu chỉnh sửa thất bại thì thông báo cho người dùng biết * Nếu chỉnh sửa thành công thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.6. Đặc tả Use-case “Xóa địa ốc”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Xóa địa ốc** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Nhân viên được cấp quyền “Xóa địa ốc” * Use-case “Xóa địa ốc” dùng để nhân viên xóa thông tin một địa ốc trong công ty |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Địa ốc” * Nhấn đúp chuột vào hàng thông tin cần chỉnh xóa * Người dùng nhấn vào “Xóa”. * Hệ thống hiển thị thông báo có chắc chắn xóa * Thông tin sẽ được xóa khỏi hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | - Không thể xóa thông tin địa ốc |
| **Các yêu cầu đặc biệt** |  |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu xóa thành công thì thông báo cho người dùng biết * Nếu xóa thất bại thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.6. Đặc tả Use-case “Tìm kiếm địa ốc”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Tìm kiếm địa ốc** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Nhân viên trong công ty * Use-case “Tìm kiếm địa ốc” dùng để tìm kiếm thông tin của một địa ốc trong công ty |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Tìm kiếm địa ốc” * Nhập các thông tin cần tìm kiếm * Hệ thống trả về kết quả cần tìm * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** |  |
| **Các yêu cầu đặc biệt** |  |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Trả về màn hình hiện thị danh sách các tài khoản địa ốc theo từ khóa tìm kiếm |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.4. Đặc tả Use-case “Thêm giấy tờ”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Thêm giấy tờ** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Nhân viên được cấp quyền “Thêm địa ốc” * Use-case “Thêm địa ốc” dùng để cho phép nhân viên tạo mới một giấy tờ liên quan đến một địa ốc chưa có trong hệ thống |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Địa ốc” * Người dùng click “Quản lý giấy tờ” * Người dùng nhập các thông tin * Người dùng nhấn vào “Thêm”. Thông tin sẽ được lưu vào hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | * Nếu người dùng nhập thiếu thông tin thì sẽ thông báo “Nhập đầy đủ thông tin” |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | * Thông tin giấy tờ không được thiếu bất cứ cái nào |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | * Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu thêm thất bại thì thông báo cho người dùng biết * Nếu thêm thành công thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.5. Đặc tả Use-case “Sửa giấy tờ”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Sửa giấy tờ** |
| **Tóm tắt** | * Giấy tờ sử dụng: Nhân viên được cấp quyền “Sửa giấy tờ” * Use-case “Sửa giấy tờ” dùng để nhân viên chỉnh sửa thông tin một giấy tờ liên quan đến một địa ốc chưa có trong hệ thống |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Giấy tờ” * Người dùng click “Quản lý giấy tờ” * Nhấn đúp chuột vào hàng thông tin cần chỉnh sửa * Người dùng nhấn vào “Sửa”. Thông tin sẽ được lưu vào hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | * Nếu người dùng nhập thiếu thông tin thì sẽ thông báo “Nhập đầy đủ thông tin” |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | * Thông tin giấy tờ không được thiếu bất cứ cái nào |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu chỉnh sửa thất bại thì thông báo cho người dùng biết * Nếu chỉnh sửa thành công thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.6. Đặc tả Use-case “Xóa giấy tờ”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Xóa giấy tờ** |
| **Tóm tắt** | * Giấy tờ sử dụng: Nhân viên được cấp quyền “Xóa giấy tờ” * Use-case “Xóa giấy tờ” dùng để nhân viên xóa thông tin một giấy tờ liên quan đến một địa ốc chưa có trong hệ thống |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Địa ốc” * Người dùng click “Quản lý giấy tờ” * Nhấn đúp chuột vào hàng thông tin cần chỉnh xóa * Người dùng nhấn vào “Xóa”. * Hệ thống hiển thị thông báo có chắc chắn xóa * Thông tin sẽ được xóa khỏi hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | - Không thể xóa thông tin giấy tờ |
| **Các yêu cầu đặc biệt** |  |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu xóa thành công thì thông báo cho người dùng biết * Nếu xóa thất bại thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.4. Đặc tả Use-case “Thêm phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Thêm phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Nhân viên được cấp quyền “Thêm phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo” * Use-case “Thêm phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo” dùng để cho phép nhân viên tạo mới một phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo” * Người dùng nhập các thông tin * Người dùng nhấn vào “Thêm”. Thông tin sẽ được lưu vào hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | * Nếu người dùng nhập thiếu thông tin thì sẽ thông báo “Nhập đầy đủ thông tin” * Nếu thông tin phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo đã tồn tại thì hiển thị thông báo |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | Không có |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | * Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu thêm thất bại thì thông báo cho người dùng biết * Nếu thêm thành công thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.5. Đặc tả Use-case “Sửa phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Sửa phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Nhân viên được cấp quyền “Sửa phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo” * Use-case “Sửa phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo” dùng để nhân viên chỉnh sửa thông tin một phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo trong công ty |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo” * Nhấn đúp chuột vào hàng thông tin cần chỉnh sửa * Người dùng nhấn vào “Sửa”. Thông tin sẽ được lưu vào hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | * Nếu người dùng nhập thiếu thông tin thì sẽ thông báo “Nhập đầy đủ thông tin” |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | Không có |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu chỉnh sửa thất bại thì thông báo cho người dùng biết * Nếu chỉnh sửa thành công thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.6. Đặc tả Use-case “Xóa phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Xóa phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Nhân viên được cấp quyền “Xóa phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo” * Use-case “Xóa phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo” dùng để nhân viên xóa thông tin một phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo trong công ty |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo” * Nhấn đúp chuột vào hàng thông tin cần chỉnh xóa * Người dùng nhấn vào “Xóa”. * Hệ thống hiển thị thông báo có chắc chắn xóa * Thông tin sẽ được xóa khỏi hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | - Không thể xóa thông tin phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | Không có |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu xóa thành công thì thông báo cho người dùng biết * Nếu xóa thất bại thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.6. Đặc tả Use-case “Tìm kiếm phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Tìm kiếm phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Nhân viên trong công ty * Use-case “Tìm kiếm phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo” dùng để tìm kiếm thông tin của một phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo trong công ty |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Tìm kiếm phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo” * Nhập các thông tin cần tìm kiếm * Hệ thống trả về kết quả cần tìm * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | Không có |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | Không có |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Trả về màn hình hiện thị danh sách các tài khoản phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo theo từ khóa tìm kiếm |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.4. Đặc tả Use-case “Thêm hình ảnh”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Thêm hình ảnh** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Nhân viên được cấp quyền “Thêm phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo” * Use-case “Thêm hình ảnh” dùng để cho phép nhân viên tạo mới một hình ảnh liên quan đến một phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo trong hệ thống |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo” * Người dùng click “Quản lý hình ảnh” * Người dùng nhập các thông tin * Người dùng nhấn vào “Thêm”. Thông tin sẽ được lưu vào hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | * Nếu người dùng nhập thiếu thông tin thì sẽ thông báo “Nhập đầy đủ thông tin” |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | Không có |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | * Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu thêm thất bại thì thông báo cho người dùng biết * Nếu thêm thành công thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.5. Đặc tả Use-case “Sửa hình ảnh”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Sửa hình ảnh** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Nhân viên được cấp quyền “Sửa hình ảnh” * Use-case “Sửa hình ảnh” dùng để nhân viên chỉnh sửa thông tin một hình ảnh liên quan đến một phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo trong hệ thống |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Hình ảnh” * Người dùng click “Quản lý hình ảnh” * Nhấn đúp chuột vào hàng thông tin cần chỉnh sửa * Người dùng nhấn vào “Sửa”. Thông tin sẽ được lưu vào hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | * Nếu người dùng nhập thiếu thông tin thì sẽ thông báo “Nhập đầy đủ thông tin” |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | Không có |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu chỉnh sửa thất bại thì thông báo cho người dùng biết * Nếu chỉnh sửa thành công thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.6. Đặc tả Use-case “Xóa hình ảnh”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Xóa hình ảnh** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Nhân viên được cấp quyền “Xóa hình ảnh” * Use-case “Xóa hình ảnh” dùng để nhân viên xóa thông tin một hình ảnh liên quan đến một phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo trong hệ thống |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo” * Người dùng click “Quản lý hình ảnh” * Nhấn đúp chuột vào hàng thông tin cần chỉnh xóa * Người dùng nhấn vào “Xóa”. * Hệ thống hiển thị thông báo có chắc chắn xóa * Thông tin sẽ được xóa khỏi hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | - Không thể xóa thông tin hình ảnh |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | Không có |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu xóa thành công thì thông báo cho người dùng biết * Nếu xóa thất bại thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.4. Đặc tả Use-case “Thêm bài viết”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Thêm bài viết** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Nhân viên được cấp quyền “Thêm phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo” * Use-case “Thêm bài viết” dùng để cho phép nhân viên tạo mới một bài viết liên quan đến một phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo trong hệ thống |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo” * Người dùng click “Quản lý bài viết” * Người dùng nhập các thông tin * Người dùng nhấn vào “Thêm”. Thông tin sẽ được lưu vào hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | * Nếu người dùng nhập thiếu thông tin thì sẽ thông báo “Nhập đầy đủ thông tin” |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | Không có |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | * Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu thêm thất bại thì thông báo cho người dùng biết * Nếu thêm thành công thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.5. Đặc tả Use-case “Sửa bài viết”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Sửa bài viết** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Nhân viên được cấp quyền “Sửa bài viết” * Use-case “Sửa bài viết” dùng để nhân viên chỉnh sửa thông tin một bài viết liên quan đến một phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo trong hệ thống |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Bài viết” * Người dùng click “Quản lý bài viết” * Nhấn đúp chuột vào hàng thông tin cần chỉnh sửa * Người dùng nhấn vào “Sửa”. Thông tin sẽ được lưu vào hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | * Nếu người dùng nhập thiếu thông tin thì sẽ thông báo “Nhập đầy đủ thông tin” |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | Không có |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu chỉnh sửa thất bại thì thông báo cho người dùng biết * Nếu chỉnh sửa thành công thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.6. Đặc tả Use-case “Xóa bài viết”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Xóa bài viết** |
| **Tóm tắt** | * Nhân viên sử dụng: Nhân viên được cấp quyền “Xóa bài viết” * Use-case “Xóa bài viết” dùng để nhân viên xóa thông tin một bài viết liên quan đến một phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo trong hệ thống |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Phiếu đăng ký dịch vụ quảng cáo” * Người dùng click “Quản lý bài viết” * Nhấn đúp chuột vào hàng thông tin cần chỉnh xóa * Người dùng nhấn vào “Xóa”. * Hệ thống hiển thị thông báo có chắc chắn xóa * Thông tin sẽ được xóa khỏi hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | - Không thể xóa thông tin bài viết |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | Không có |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu xóa thành công thì thông báo cho người dùng biết * Nếu xóa thất bại thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.6. Đặc tả Use-case “Kiểm duyệt”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Kiểm duyệt** |
| **Tóm tắt** | * Bài viết sử dụng: Ban giám đốc hoặc trưởng phòng quảng cáo * Use-case “Kiểm duyệt” dùng để ban giám đốc hoặc trưởng phòng quảng cáo thực hiện xét duyệt các thông tin quan trọng như tính hợp lệ của hợp đồng quảng cáo, chất lượng hình ảnh, nội dung bài viết quảng cáo |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Kiểm duyệt” * Nhấn click chuột vào hàng thông tin cần kiểm duyệt và chọn “Duyệt” hoặc “Không duyệt”. Nếu không duyệt thì ghi kèm lý do không duyệt * Người dùng nhấn vào “Gửi”. * Thông tin sẽ được lưu xuống hệ thống * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | Không có |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | - Phải là ban giám đốc hoặc trưởng phòng quảng cáo mới được sử dụng chức năng này |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu gửi thông tin kiểm duyệt thành công thì thông báo cho người dùng biết * Nếu gửi thông tin kiểm duyệt thất bại thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.6. Đặc tả Use-case “Lập báo cáo thống kê”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Lập báo cáo thống kê** |
| **Tóm tắt** | * Bài viết sử dụng: Ban giám đốc hoặc hoặc nhân viên được cấp quyền * Use-case “Lập báo cáo thống kê” dùng để ban giám đốc xem tổng doanh thu theo năm và doanh thu theo từng loại hình quảng cáo |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Lập báo cáo thống kê” * Người dùng nhập thông tin cần thống kê * Người dùng click “Xem” * Hệ thống hiển thị màn hình thống kê * Người dùng click “Xuất excel” * Hệ thống hiển thị dialog để người dùng chọn nơi lưu file excel * Hệ thống xuất dữ liệu thống kê ra file excel * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | * Người dùng nhấn nút Xuất excel khi bảng kết quả thống kê không có dữ liệu * Hệ thống thông báo chưa có dữ liệu, không thể xuất ra file excel |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | - Phải là ban giám đốc hoặc trưởng phòng quảng cáo mới được sử dụng chức năng này |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu xuất dữ liệu ra file excel thành công thì thông báo cho người dùng biết * Nếu xuất dữ liệu ra file excel thất bại thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |

### 3.4.6. Đặc tả Use-case “Thay đổi quy định”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chức năng** | **Thay đổi quy định** |
| **Tóm tắt** | * Bài viết sử dụng: Ban giám đốc * Use-case “Thay đổi quy định” dùng để ban giám đốc thay đổi các quy định về mặc logic trong hệ thống để hệ thống phù hợp với yêu cầu hiện tại |
| **Dòng sự kiện chính** | * Người dùng vào form “Thay đổi quy định” * Người dùng nhập các thông tin cần cập nhật. Click Cập nhật * Hệ thống lưu lại * Kết thúc |
| **Dòng sự kiện khác** | * Nếu người dùng nhập thiếu thông tin thì sẽ thông báo “Nhập đầy đủ thông tin” |
| **Các yêu cầu đặc biệt** | - Phải là ban giám đốc mới được sử dụng chức năng này |
| **Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case** | Phải đăng nhập thành công |
| **Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case** | * Nếu thay đổi thành công thì thông báo cho người dùng biết * Nếu thay đổi thất bại thì thông báo cho người dùng biết |
| **Điều kiện mở rộng** | Không có |